



TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 38, 13-17/09/2021

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH

Một tuần nhìn lại:

“Lộ trình hi vọng”

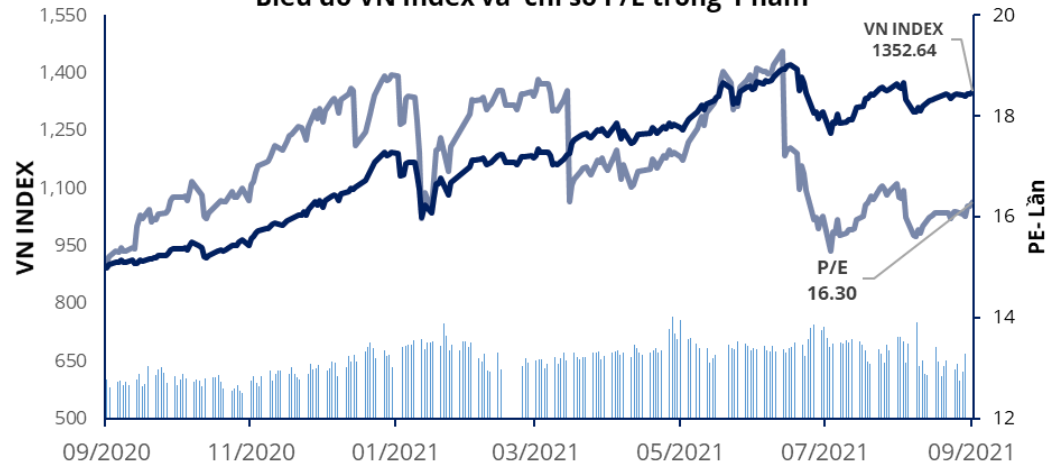
Nhịp điều chỉnh đã quay trở lại với thị trường chứng khoán toàn cầu trong tuần qua. Thị trường chứng khoán Mỹ kết thúc tuần thấp hơn khi các nhà đầu tư cân nhắc các tín hiệu xung đột. Lạm phát tháng 8 dưới mức kỳ vọng trong khi doanh số bán lẻ phục hồi, lợi tức trái phiếu tăng trong lúc chờ kết quả cuộc họp của FED vào tuần tới, S&P500 giảm 0.6%. Thị trường châu Âu tiếp tục suy yếu do lo ngại về tác động của biến thể Delta đối với nền kinh tế toàn cầu vượt xa kỳ vọng mà ECB có thể hỗ trợ. Chỉ số STOXX Europe 600 Index kết thúc với -0.97% thấp hơn. Trong khi đó, thị trường chứng khoán Nhật bản có một mức tăng nhẹ, Chỉ số Nikkei 225 tăng 0,39% do sự kỳ vọng tích cực của nhà đầu tư lên chính phủ mới vượt xa những khó khăn tồn đọng của nền kinh tế. Ví như như tăng trưởng xuất khẩu đang chậm lại, tình trạng thiếu chip gây khó khăn cho các nhà sản xuất ô tô. Ngược lại, Thị trường Trung Quốc quay trở lại với nhịp điều chỉnh do dữ liệu kinh tế tháng 8 yếu kém, một đợt bùng phát dịch mới ở Phúc kiến và cuộc khủng hoảng nợ ngày càng trầm trọng của tập đoàn Evergrande. Kết tuần, chỉ số Shanghai Composite lùi 2,4%.

Thị trường chứng khoán Việt Nam chứng kiến một tuần giao dịch giằng co với nhiều phiên xanh đỏ do có những sự kiện quan trọng gồm đáo hạn hợp đồng tương lai ở phiên thứ 5 và ngày cơ cấu danh mục của các quỹ ở phiên thứ 6. Bên cạnh đó, việc đưa ra lộ trình nới lỏng giảm cách ở những địa phương trọng yếu đã góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư. Kết thúc cả tuần, VN Index có thêm 7.33 điểm (+0.54%) và đóng cửa ở mức 1,352.64 điểm. Tương tự, HNX Index cũng nối dài đà tăng, thêm 7.92 điểm (0.23%) và UPCOM Index tăng 1.77%.

Trên phương diện kỹ thuật, VN Index đã vượt lên trên trendline giảm năng hạn hình thành thứ tháng 7. Đây là một tín hiệu tích cực cho thị trường và chỉ số hoàn toàn toàn có thể bắt đầu một xu hướng tăng mới trong những phiên tới. Ngưỡng kháng cự tiếp theo có thể là vùng đỉnh cũ 1,380. Sự khởi sắc trong tuần qua là nhờ vào yếu tố tích cực từ lộ trình bắt đầu trạng thái bình thường mới. Tuy nhiên, chúng tôi nghĩ rằng, sự bền vững của xu hướng tăng này sẽ phụ thuộc rất lớn vào mức độ hiệu quả của kế hoạch.

Tên chỉ số	Giá đóng cửa	%thay đổi					Xu hướng	Định giá		Vốn hóa (tỷ \$)
		1T	1Thg	3Tng	TĐN	P/E		P/B		
VN-Index	1,353	0.5	-0.8	-0.5	14.0		16.3	2.6	227	
Upcom Index	97	2.1	3.4	8.8	19.2		47.1	3.3	59	
HNX Index	358	2.3	4.3	12.9	29.4		20.0	2.2	18	
VN30 Index	1,456	0.5	-2.6	-0.4	22.0		14.7	3.0	166	
S&P 500 Index	4,433	-0.6	-0.3	5.0	11.5		26.5	4.6	39,186	
STOXX Europe 600 Index	462	-1.0	-2.5	0.5	8.7		23.9	2.1	15,043	
Hang Seng	24,921	-4.9	-3.2	-12.7	-14.2		10.3	1.0	3,162	
Nikkei 225	30,500	0.4	11.2	5.1	2.0		17.6	2.0	4,194	
SHCOMP Index	3,614	-2.4	4.8	2.5	4.9		15.4	1.7	7,201	
STI Index	3,071	-0.9	-1.5	-2.1	-1.2		23.5	1.1	360	
KOSPI Index	3,141	0.5	-0.1	-3.8	3.1		16.5	1.1	1,863	

Biểu đồ VN Index và chỉ số P/E trong 1 năm



Source: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

Xét về tổng thể cả tuần, thanh khoản sụt giảm nghiêm trọng trong những phiên đầu tuần đã khiến GTGD tuần qua thấp hơn đáng kể so với tuần trước đó. Cụ thể, giá trị giao dịch khớp lệnh (GTGDKL) trung bình mỗi phiên trên sàn HSX trong tuần vừa qua đạt 19,285. tỷ đồng, giảm 8.5%. Tuy nhiên, tình hình càng được cải thiện về sau, khi GTGD quay lại trên mức trung bình 20 phiên và trên 26 nghìn tỷ.

Xét theo quy mô vốn hóa, Sự bùng nổ của nhóm cổ phiếu vốn hóa nhỏ (small cap) vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt khi tiếp tục thu hút dòng tiền của giới đầu cơ khi dòng tiền(+18.8%) và tỉ trọng (+1.3%) thanh khoản ở nhóm này vượt xa nhóm vốn hóa vừa (mid cap) và lớn (large cap). Điều đó đã giúp cho vốn hóa nhóm small cap có mức tăng +4.3% trong tuần qua.

Xét theo từng nhóm ngành, ngành hàng tiêu dùng, mà trong đó nhóm thực phẩm và đồ uống là tâm điểm với giá trị vốn hóa tăng mạnh nhất trong tuần qua nhờ sự nâng đỡ của SAB và MSN. Theo sau đó, ngành công nghệ thông tin (+3.6%) cũng có tuần giao dịch tích cực nhờ vào kết quả kinh doanh tốt trong tháng 8 bất chấp dịch bệnh. Điều này cũng giúp nhóm ngành này thu hút thêm một lượng thanh khoản (+13.2%) đáng kể.

Theo giá trị vốn hóa

Giá trị vốn hóa	1T			% thay đổi GTGD			%tỉ trọng GTGD		Định giá		
	1T	1Thg	TĐN	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ \$)
Large Cap	0.5	-1.6	22.5	-16.5	-21.2	-20.0	64.4	-1.7	21.6	3.0	4,503,067
Mid Cap	2.0	7.0	31.5	-13.3	-9.9	14.3	30.9	0.3	19.0	1.6	588,528
▶ Small Cap	4.3	11.8	26.5	18.8	48.3	120.1	4.7	1.3	24.3	1.0	75,345

Theo ngành

Tên ngành	1T			% thay đổi GTGD			%tỉ trọng GTGD		Định giá		
	1T	1Thg	TĐN	1T	1Thg	TĐN	HT	TĐ	P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ \$)
Hàng Tiêu dùng	5.2	4.6	2.9	-0.1	0.8	18.3	10.9	1.5	23.6	3.2	648,203
▶ Công nghệ Thông tin	3.6	4.8	84.6	13.2	5.7	-13.8	1.4	0.3	25.6	3.7	101,445
▶ Dịch vụ Tiêu dùng	2.5	11.8	36.5	30.1	19.5	31.3	4.1	1.4	n.a	4.9	254,227
Tiện ích Cộng đồng	2.3	1.5	4.6	-11.1	-15.6	5.2	1.7	0.1	18.0	2.2	265,256
▶ Dầu khí	1.6	0.6	-0.5	5.0	4.0	-20.2	0.9	0.2	73.8	3.0	72,989
Nguyên vật liệu	1.1	5.4	58.8	-21.1	-7.5	6.1	18.9	-1.6	22.4	2.9	542,365
Công nghiệp	0.6	8.4	26.5	-21.9	-14.1	37.0	11.5	-1.1	17.7	1.6	245,805
▶ Dược và Y tế	0.6	6.9	11.2	26.2	10.4	111.7	0.9	0.3	19.9	2.5	42,284
Ngân hàng	-0.2	-5.9	24.0	-16.1	-33.8	-52.3	14.0	-0.3	15.4	2.5	1,578,378
Tài chính	-1.3	-2.7	24.5	-16.0	-20.6	-3.2	35.6	-0.7	24.1	2.7	1,416,374

Chú thích:

-TĐN: Từ đầu năm

-HT: Hiện tại

-TĐ: Thay đổi

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn

Về sự dịch chuyển của dòng vốn quốc tế, đa số các nước châu Á điều đón nhận dòng tiền vào trở lại trong tuần vừa qua. Trong đó, số liệu từ Nhật Bản và Hàn Quốc là nổi bật nhất với dòng tiền lần lượt là \$ 1.1 tỷ và \$851 triệu. Ngược lại, dòng vốn tiếp tục chảy ra khỏi thị trường Việt Nam trong tuần qua, giá trị lên đến \$104 triệu và con số rút ròng từ đầu năm đã lên đến gần \$2 tỷ.

Về diễn biến dòng vốn qua kênh ETF, các quỹ có một tuần giao dịch nhập nhịp khi phải hoàn hiện cơ cấu quỹ cho quý tiếp theo. Quỹ Xtrackers FTSE thuộc nhóm ngoại tiếp tục rút ròng hơn \$23 triệu. Trong khi đó, một quỹ ETF nội, MAFN VN30 của công ty Mirae Asset giải ngân hơn \$4 triệu đã giúp dòng vốn thuần vào thị trường Việt Nam thu hẹp việc chảy máu còn \$23 triệu.

Tên ETF	Tài sản (Triệu \$)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1T	1Thg	3Thg	TĐN
Tổng các quỹ ETF	3,425	-19.57	-22.91	137.8	150.5
Nước ngoài	2,185	-23.78	-54.64	104.2	179.5
VanEck Vectors Vietnam ETF	560	0.00	3.92	17.8	41.6
Fubon FTSE Vietnam ETF	479	-0.59	-31.91	90.0	249.0
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	504	0.00	6.75	13.2	3.7
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	408	-24.56	-36.58	-37.0	-46.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	175	0.00	0.00	7.2	-79.1
Premia MSCI Vietnam ETF	29	0.00	0.00	0.3	-1.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	17	0.00	0.00	0.0	-1.1
Asian Growth CUBS ETF	14	1.36	3.18	12.7	12.7
Trong nước	1,240	4.21	31.72	33.6	-29.0
DCVMVN Diamond ETF	619	0.00	0.00	0.0	-39.7
DCVMVN30 ETF Fund	458	-0.64	25.99	27.5	0.0
SSIAM VNFIN LEAD ETF	114	0.00	0.89	0.9	0.0
MAFN VN30 ETF	27	4.85	4.84	5.2	1.2
SSIAM VNX50 ETF	13	0.00	0.00	0.0	0.0
VinaCapital VN100 ETF	4	0.00	0.00	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	4	0.00	0.00	0.00	9.6

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc	n.a	-363	69,345	64,699
Ấn độ	526	904	210	8,294
Indonesia	115	204	583	1,775
Nhật Bản	1,172	5,014	-393	24,390
Maylaysia	48	218	151	-876
Philippines	52	55	-95	-1,639
Hàn Quốc	851	694	-8,617	-25,653
Sri Lanka	-4	-23	-81	-216
Đài Loan	69	2,453	-684	-13,788
Thái Lan	21	263	-84	-2,553
Việt Nam	-104	-246	-314	-1,844

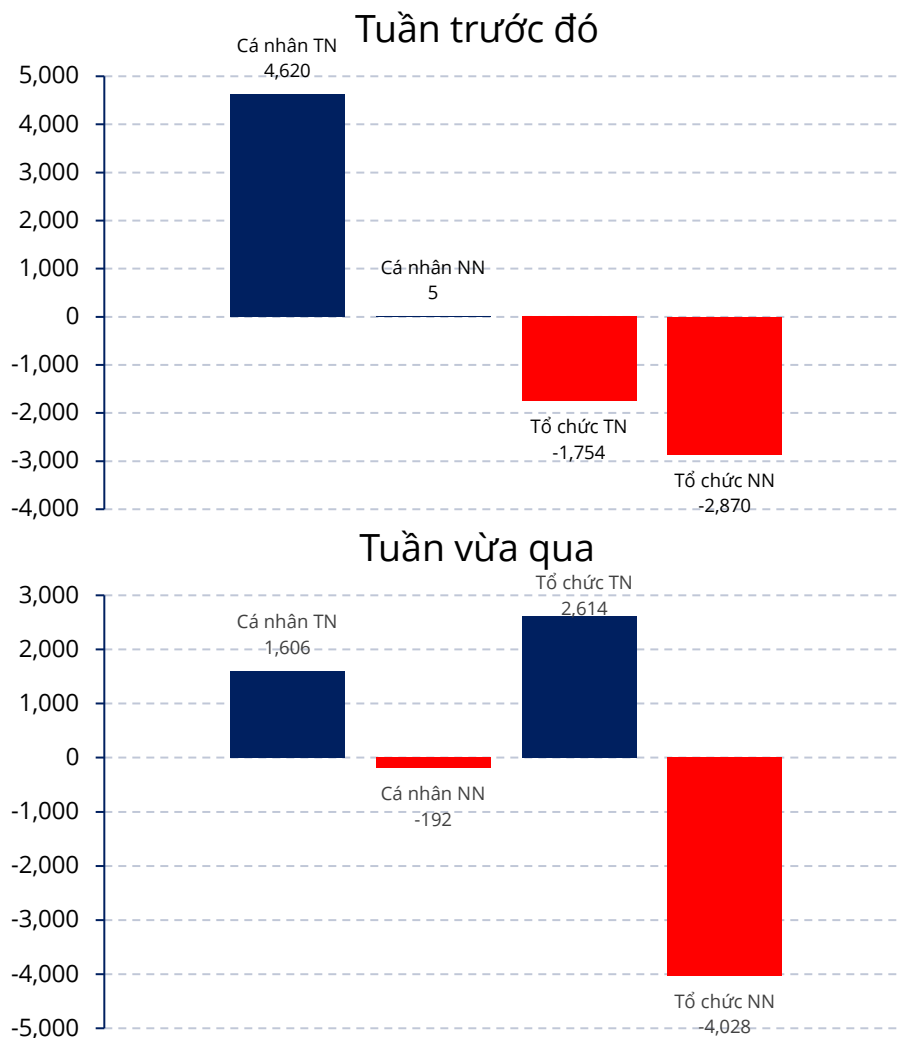
Chú thích:
 -WTD: từ đầu tuần
 -MTD: từ đầu tháng
 -QTD: từ đầu quý
 -YTD: từ đầu năm

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Về hoạt động giao dịch giữa các nhà đầu tư, xu hướng bán ròng của nhà đầu tư nước ngoài vẫn chưa có dấu hiệu giảm nhiệt khi nhóm này bán ròng hơn VND 4,220 tỷ. Ngược lại, nhóm nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong nước là bên hấp thụ lượng cung đó với mức giải ngân ròng lần lượt là VND 1,606 tỷ và VND 2,614 tỷ.



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam, đơn vị : tỷ đồng

Chú thích:
-TN: trong nước
-NN: nước ngoài

WEEKLY SNAPSHOT

Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	RDP	Hóa chất	5.61 - 15.50	12.8	-16.67%
2	FIT	Dịch vụ tài chính	7.80 - 22.20	15.3	-15.19%
3	PHC	Xây dựng và Vật liệu	9.35 - 26.30	19.0	-14.71%
4	APH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	40.21 - 73.80	43.2	-14.46%
5	SII	Xây dựng và Vật liệu	13.40 - 21.00	16.1	-9.55%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
39.76%	60.3	0.99 - 64.50	Xây dựng và Vật liệu	TGG
39.49%	11.6	6.00 - 12.00	Bất động sản	TDH
29.01%	10.5	5.20 - 10.45	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	ASP
27.37%	9.4	4.10 - 9.67	Tài nguyên Cơ bản	YBM
29.01%	10.5	5.20 - 10.45	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VIP

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	NVB	Ngân hàng	8.10 - 37.00	30.1	-13.26%
2	PHN	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	24.70 - 43.90	37.3	-13.26%
3	QHD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.70 - 48.50	36.1	-13.22%
4	CAG	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	13.50 - 77.20	27.9	-12.54%
5	CTT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	8.80 - 13.60	11.6	-12.12%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
59.57%	22.5	3.70 - 22.50	Ô tô và phụ tùng	VKC
56.86%	8.0	3.00 - 8.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	DZM
52.51%	39.5	6.00 - 41.40	Công nghệ Thông tin	SMT
52.00%	7.6	3.10 - 7.80	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	SDA
50.00%	16.8	4.40 - 17.80	Tài nguyên Cơ bản	TC6

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% thay đổi
1	HNT	Du lịch và Giải trí	2.30 - 16.00	6.6	-44.54%
2	POB	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8.50 - 56.30	23.9	-29.29%
3	TNW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	8.50 - 15.80	12.0	-22.58%
4	CMN	Thực phẩm và đồ uống	42.80 - 91.00	49.0	-21.47%
5	PIS	Tài nguyên Cơ bản	8.10 - 21.00	10.3	-20.77%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
92.68%	15.8	1.90 - 15.80	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	SSG
85.71%	5.2	1.10 - 5.20	Xây dựng và Vật liệu	VE9
84.69%	18.1	6.60 - 18.10	Xây dựng và Vật liệu	HFB
74.55%	9.6	0.50 - 9.60	Tài nguyên Cơ bản	KHB
69.23%	4.4	2.00 - 4.40	Xây dựng và Vật liệu	PXT

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Top cổ phiếu đáng chú ý

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến

Tickers	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá cổ phiếu		
			TB Ngày (Triệu đ)	%1 Tuần	HT	Biến động 52 tuần	%1 Tuần
1 THI	Thiết bị điện	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	83	4,025.0	28.5	25.55 - 35.85	0.0
2 SMB	Bia Sài Gòn - Miền Trung	Thực phẩm và đồ uống	999	715.5	41.0	33.30 - 46.50	0.0
3 RIC	Quốc tế Hoàng Gia	Du lịch và Giải trí	422	511.8	22.0	4.12 - 49.35	5.0
4 CSM	Cao su Miền Nam	Ô tô và phụ tùng	2,650	328.9	19.4	15.15 - 22.00	6.9
5 VIS	Thép Việt Ý	Tài nguyên Cơ bản	688	286.7	18.5	12.30 - 23.55	10.8
6 NCT	DV Hàng hóa Nội Bài	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	4,513	272.7	81.1	66.40 - 83.50	2.3
7 SAB	SABECO	Thực phẩm và đồ uống	60,590	256.3	161.0	139.80 - 211.00	6.3
8 DLG	Đức Long Gia Lai	Tài nguyên Cơ bản	39,176	185.2	3.4	1.29 - 4.28	7.3
9 THG	XD Tiền Giang	Xây dựng và Vật liệu	3,217	181.1	76.5	46.09 - 78.20	9.6
10 PDN	Cảng Đồng Nai	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	23	154.2	90.2	72.00 - 96.00	-2.9

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Bảng trên liệt kê ra top 10 cổ phiếu trong rổ chỉ số VN Index có vốn hóa trên 1,000 tỷ đồng và giá trị giao dịch bình quân hằng ngày trong tuần qua so với tuần trước đó là cao nhất.

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dollar index	92.83	0.27	-0.32	1.02	3.22	
VND/USD	22,769	0.03	-0.24	-0.85	-1.42	
KRW/USD	1,175.30	0.53	-0.09	3.98	8.19	
JPY/USD	109.97	0.03	0.34	-0.22	6.51	
EUR/USD	0.85	0.24	-0.63	1.05	3.68	
SGD/USD	1.35	0.32	-1.22	0.27	1.79	
CNY/USD	6.46	0.17	-0.48	0.11	-1.10	

Hàng hóa

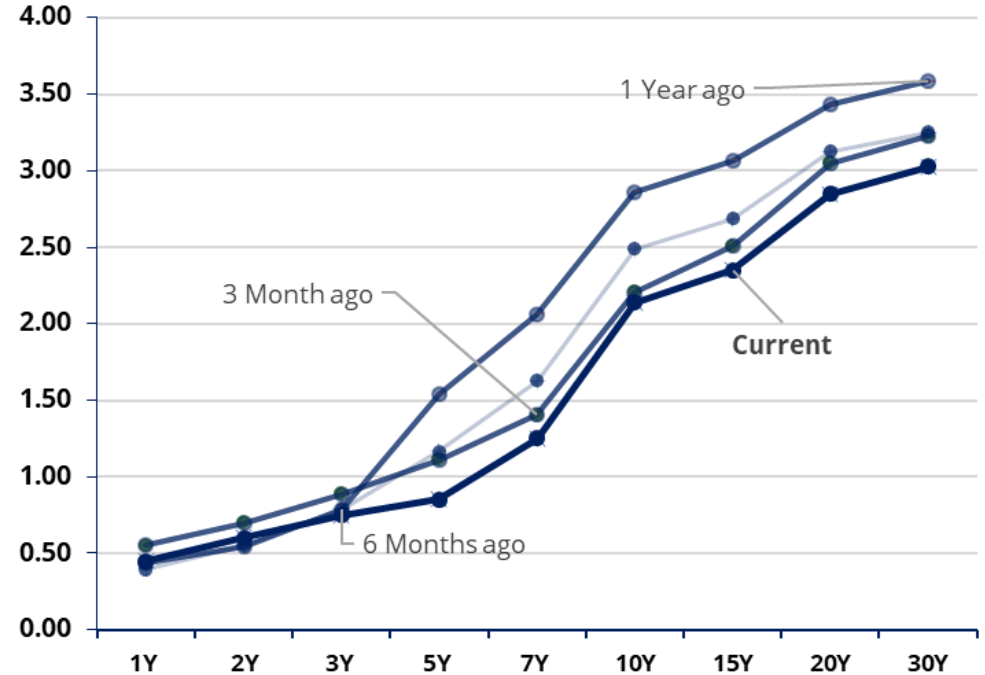
	Giá	1T	1TH	3TH	TĐN	XH
Dầu thô	72.22	3.59	8.45	1.66	48.85	
Xăng	217.20	0.84	0.30	1.77	54.22	
Gas	5.38	8.95	40.21	65.39	111.89	
Than	176.00	-0.85	1.50	40.52	118.63	
Vàng	1,761.28	-1.47	-1.39	-0.69	-7.22	
Bạc	23.01	-3.10	-2.75	-11.18	-12.86	
Platinum	953.03	-0.80	-4.61	-10.67	-11.11	
Quặng sắt	119.96	-10.36	-28.15	-43.82	-23.02	
Thép cán	5,779.00	-1.21	0.52	5.30	26.32	
Lúa mì	713.50	5.70	-2.86	11.66	11.40	
Ngô	527.75	4.97	-5.46	-16.63	9.04	
Gõ	593.90	18.64	26.12	-38.64	-31.98	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:
 -TĐN: Từ đầu năm
 -XH: Xu hướng
 -Thay đổi(BPS): số điểm cơ bản thay đổi sau 1 tuần

Dữ liệu về lãi suất

Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	0.45	0.60	0.75	0.85	1.25	2.14	2.35	2.85	3.03
Thay đổi (BPS)	0.00	-8.80	-3.80	-1.10	4.90	3.40	2.70	-10.30	-9.50

Thông báo Tuần thủ

- ♦ Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- ♦ Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- ♦ Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- ♦ Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- ♦ Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- ♦ Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- ♦ Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.